

**TÓNG CÔNG TY XÂY DỰNG THỦY LỢI 4 - CTCP**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**

**Đã được kiểm toán**



<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>Trang</u></b>
<b>Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc</b>	02 - 05
<b>Báo cáo Kiểm toán</b>	06
<b>Báo cáo tài chính đã được kiểm toán</b>	
Bảng cân đối kế toán	07 - 09
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	12 - 32

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4 - CTCP (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

### **KHÁI QUÁT CHUNG**

Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4 - CTCP là Tổng Công ty cổ phần, được chuyển đổi cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước là Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4 theo Quyết định số 977/QĐ-BNN-DMDN ngày 06/4/2007 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Ngày 28/10/2008, Thủ tướng Chính Phủ ra Quyết định số 1546/QĐ-TTg về việc điều chỉnh phương án cổ phần hóa Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4 với vốn điều lệ là 86.007.000.000 đồng.

Tổng Công ty có trụ sở chính tại số 205 Nguyễn Xí - Phường 26 - Quận Bình Thạnh - Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng Công ty có 03 Đơn vị hạch toán phụ thuộc (Đơn vị cấp dưới), 07 Đơn vị hạch toán báo số, 03 Công ty con, và 02 Công ty liên kết cụ thể:

#### **Các Đơn vị hạch toán phụ thuộc**

- Chi nhánh Miền Trung - Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4 - CTCP;
- Chi nhánh Miền Nam - Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4 - CTCP;
- Chi nhánh Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4 - CTCP - Công ty Tư vấn Xây dựng;

#### **Các Đơn vị hạch toán báo số**

- Chi nhánh Phía Bắc;
- Chi nhánh Tây Nguyên;
- Công ty đầu tư Xây dựng và Kho vận - Thủy lợi 4;
- 04 Công trường Thi công.

#### **Các Công ty con**

- Công ty cổ phần Đầu tư Bất động sản Thủy lợi 4A;
- Công ty cổ phần Đầu tư Bất động sản Thủy lợi 4B;
- Công ty cổ phần cung ứng lao động dịch vụ và xây dựng Thủy lợi.

#### **Các Công ty liên kết**

- Công ty cổ phần Xây dựng 43;
- Công ty cổ phần Xây dựng Thủy lợi 42;

12938  
3 TY  
NHỮ  
KẾ T  
MTC  
T NAI  
JAN 17



**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THỦY LỢI 4 - CTCP**  
Đ/c: Số 205 Nguyễn Xí, P26, Quận Bình Thạnh, Tp HCM

Tổng Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300546537 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03/12/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 14/01/2013 với số đăng ký kinh doanh là 0300546537. Ngành nghề kinh doanh chủ yếu như sau:

- Xây dựng công trình thủy lợi, đê đập, hệ thống tưới tiêu, công trình thủy công, thủy điện, đường giao thông, bến cảng, công trình dân dụng, vỏ bao che công trình công nghiệp;
- Sản xuất, khai thác và mua bán vật liệu xây dựng (không hoạt động tại trụ sở);
- Kiểm tra chất lượng vật liệu xây dựng và chất lượng xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện, giao thông, công nghiệp, dân dụng và hạ tầng kỹ thuật; Mua bán vật tư thiết bị phục vụ thủy lợi;
- Chế tạo, lắp đặt cơ khí công trình, kết cấu thép xây dựng, sửa chữa xe máy, máy thi công xây dựng (không hoạt động tại trụ sở);
- Dịch vụ tư vấn đầu tư xây dựng công trình, xây dựng (trừ thiết kế công trình, khảo sát xây dựng);
- Giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện, dân dụng và công nghiệp;
- Khoan phụt xử lý, gia cố nền móng và thân công trình xây dựng;
- Đưa người lao động và chuyên gia đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài;
- Đào tạo ngoại ngữ, giáo dục định hướng cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài;
- Đào tạo cao đẳng nghề, trung cấp nghề và sơ cấp nghề (không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh bất động sản; Đại lý bán vé máy bay; Dịch vụ du lịch lữ hành nội địa và quốc tế./.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 3 là 160.083.380.000 đồng, tổng số cổ phiếu là 16.008.338 cổ phiếu với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phiếu, trong đó:

	Số cổ phiếu	Số tiền tương ứng	Tỷ lệ/Vốn điều lệ	Vốn thực góp tại 31/12/2012	Tỷ lệ vốn thực góp
Vốn góp nhà nước	7.921.363	79.213.630.000	49,48%	61.183.170.000	43,07%
Vốn góp của cổ đông khác	8.086.975	80.869.750.000	50,52%	80.869.750.000	56,93%
	<b>16.008.338</b>	<b>160.083.380.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>142.052.920.000</b>	<b>100%</b>

### CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ngày 18/3/2013 Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn đã ra Quyết định số 536/QĐ-BNN-DMDN về việc phê duyệt giá trị tài sản, vốn của Trường Cao đẳng nghề cơ giới và thủy lợi về trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và điều chỉnh giám phần vốn Nhà nước tại Tổng Công ty Xây dựng thủy lợi 4 - CTCP tại thời điểm 31/8/2012. Ngoài ra không còn sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng quản trị bao gồm

Ông Lê Quang Thế	Chủ tịch
Ông Hà Thế Quang	Thành viên
Ông Phạm Hồng Sơn	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Thạc	Thành viên
Ông Phạm Văn Hiến	Thành viên



**Các thành viên Ban Tổng Giám đốc và kế toán trưởng bao gồm**

Ông Hà Thế Quang	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Hồng Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đinh Văn Xô	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Thạc	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Hữu Lạc	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trịnh Hữu Long	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đinh Văn Vân	Kế toán trưởng

**Các thành viên Ban kiểm soát**

Ông Nguyễn Văn Chính	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 16/4/2012
Bà Sầm Thị Thu Hương	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 16/4/2012
Ông Đào Anh Tuấn	Thành viên	
Ông Lê Tấn Luận	Thành viên	

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 của Tổng Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Tư vấn Kế toán và Kiểm toán Việt Nam (AVA) - Đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán theo quy định của Bộ Tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

**CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính, trong quá trình lập Báo cáo tài chính tổng hợp, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục;

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cũng xác nhận tính đầy đủ và hiện hữu của các khoản mục tiền mặt, hàng tồn kho, tài sản cố định, công nợ phải thu phải trả tại ngày 31/12/2012 trên Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty, chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, hợp lý, hợp lệ của mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại Tổng Công ty và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ của Tổng Công ty được xác định



**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THỦY LỢI 4 - CTCP**

Đ/c: Số 205 Nguyễn Xí, P26, Quận Bình Thạnh, Tp HCM

dựa trên số liệu do Hội đồng kiểm kê thực tế tại hiện trường thi công công trình có xác nhận của Ban chỉ huy công trường và Ban quản trị kinh doanh Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4 - CTCP;

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

**Phê duyệt các báo cáo tài chính**

Chúng tôi, Hội đồng quản trị Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4 - CTCP phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 của Tổng Công ty.

*Tp Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2013*

*Tp Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2013*

Thay mặt Hội đồng quản trị  
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Giám đốc



Lê Quang Thế



Hà Thế Quang

VIỆN  
CƠ  
KHOA  
HỌC  
VẬT  
LÍ VÀ  
KỸ  
THUẬT  
VII



Số : 4988 /BCKT/TC

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN***Về Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2012 của Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4 - CTCP*

**Kính gửi:** Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4 - CTCP

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4 - CTCP được lập ngày 20/03/2013 gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 được trình bày từ trang 07 đến trang 32 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty được ghi nhận tại Báo cáo Ban Tổng Giám đốc từ trang 02 đến trang 05. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

**Cơ sở ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính tổng hợp không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính tổng hợp; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính tổng hợp. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4 - CTCP tại ngày 31/12/2012, cũng như kết quả kinh doanh tổng hợp và các luồng lưu chuyển tiền tệ tổng hợp trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2012, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

  
NGÔ QUANG TIẾN

Phó Giám đốc

Chứng chỉ KTV số 0448/KTV

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KẾ TOÁN  
VÀ KIỂM TOÁN VIỆT NAM (AVA)**

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2013

  
TÔNG THỊ BÍCH LAN

Kiểm toán viên

Chứng chỉ KTV số D0060/KTV



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>977.349.211.684</b>	<b>1.102.409.760.764</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>165.823.623.326</b>	<b>181.921.684.449</b>
1. Tiền	111	V.01	165.823.623.326	181.921.684.449
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>498.110.604.561</b>	<b>637.646.937.828</b>
1. Phải thu của khách hàng	131		396.109.759.042	458.662.803.063
2. Trả trước cho người bán	132		100.755.360.805	162.684.237.690
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138	V.02	1.569.686.729	17.119.867.749
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		(324.202.015)	(819.970.674)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	V.03	<b>290.334.870.276</b>	<b>256.630.773.960</b>
1. Hàng tồn kho	141		290.362.722.473	256.658.626.157
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(27.852.197)	(27.852.197)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>23.080.113.521</b>	<b>26.210.364.527</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.114.227.626	2.276.795.191
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.04	2.915.948.675	2.556.685
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.05	19.049.937.220	23.931.012.651
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>357.301.387.312</b>	<b>372.426.433.939</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>14.951.793.635</b>	<b>30.417.553</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		14.951.793.635	-
2. Vốn kinh doanh của các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.06	-	30.417.553
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>202.841.344.083</b>	<b>226.988.280.352</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	48.958.933.062	94.298.152.633
- Nguyên giá	222		371.717.277.772	399.017.474.120
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(322.758.344.710)	(304.719.321.487)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.08	-	-
- Nguyên giá	225		-	11.725.395.425
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	226		-	(11.725.395.425)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.09	131.063.400.000	131.063.400.000
- Nguyên giá	228		131.063.400.000	131.063.400.000
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.10	22.819.011.021	1.626.727.719
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	V.11	<b>136.403.338.977</b>	<b>138.144.961.260</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		82.620.000.000	84.743.905.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		9.605.405.000	10.075.705.757
3. Đầu tư dài hạn khác	258		45.756.727.469	44.942.247.469
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn (*)	259		(1.578.793.492)	(1.616.896.966)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.104.910.617</b>	<b>7.262.774.774</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	3.104.910.617	7.262.774.774
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.334.650.598.996</b>	<b>1.474.836.194.703</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012  
( Tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.132.697.512.103</b>	<b>1.278.973.870.356</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>885.617.424.968</b>	<b>1.003.802.711.499</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.13	182.748.674.582	285.305.302.840
2. Phải trả người bán	312		292.030.805.282	320.728.729.953
3. Người mua trả tiền trước	313		328.891.805.377	315.180.366.554
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.14	13.520.367.334	14.888.092.780
5. Phải trả công nhân viên	315		18.544.059.300	28.617.230.310
6. Chi phí phải trả	316	V.15	33.861.522.386	15.774.275.195
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo kế hoạch tiến độ HDXD	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.16	18.168.247.496	22.840.427.401
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		(2.148.056.789)	468.286.466
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>247.080.087.135</b>	<b>275.171.158.857</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	15.542.689.294
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.17	152.672.042.488	152.237.998.689
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.18	48.340.687.457	60.722.019.032
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	601.094.652
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337	V.19	46.067.357.190	46.067.357.190
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>201.953.086.893</b>	<b>195.862.324.347</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.20</b>	<b>201.953.086.893</b>	<b>195.862.324.347</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		142.052.920.000	134.997.680.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	1.159.967
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		9.493.356.636	6.915.836.142
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		9.493.356.636	6.915.836.142
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		4.139.471.928	3.639.913.933
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		36.773.981.693	43.391.898.163
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.334.650.598.996</b>	<b>1.474.836.194.703</b>

**CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài	001		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	002		-	-
- Tài sản cố định nhận giữ hộ			-	-
- Vật tư hàng hóa nhận giữ hộ			-	-
- Công nợ khó đòi nhận giữ hộ			1.211.675.112	1.211.675.112
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi	003		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004		-	-
5. Ngoại tệ các loại	007		-	-
- USD			597,50	596,30
- EUR			0,73	0,73
- JPY			968,00	968,00
6. Dự toán chi hoạt động	008		-	-

Ghi chú: Các chỉ tiêu có số liệu âm được ghi trong ngoặc đơn ( )

Tp Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2013

Người lập biểu

Mai Thị Hào

Kế toán trưởng

Đinh Văn Vân



Hà Thế Quang

TR  
TU  
V  
TH



**BÁO CÁO  
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**

Năm 2012

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.21	776.259.301.100	974.345.497.549
2. Các khoản giảm trừ	02	VI.22	-	235.033.690
- Hàng bán bị trả lại	02c		-	235.033.690
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.23	776.259.301.100	974.110.463.859
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.24	732.046.270.489	890.836.120.012
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		44.213.030.611	83.274.343.847
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.25	14.159.960.551	15.612.639.090
7. Chi phí tài chính	22	VI.26	44.846.115.940	57.232.841.646
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		44.865.764.740	58.634.306.547
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		19.650.401.962	19.237.605.842
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(6.123.526.740)	22.416.535.449
11. Thu nhập khác	31	VI.27	34.494.443.887	153.078.231.860
12. Chi phí khác	32	VI.28	1.922.699.957	141.532.575.183
13. Lợi nhuận khác	40		32.571.743.930	11.545.656.677
14.1 LN kế toán trước thuế của Văn phòng TCT	50.1		26.448.217.190	33.962.192.126
14.2 LN kế toán trước thuế của Công ty phụ thuộc	50.2		-	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		26.448.217.190	33.962.192.126
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.29	5.789.738.983	6.830.397.449
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		20.658.478.207	27.131.794.677
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		1.485	2.187

Tp Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2013

Người lập biểu



Mai Thị Hào

Kế toán trưởng



Đinh Văn Vân



Hà Thế Quang

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP**

Theo phương pháp trực tiếp  
Năm 2012

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	939.250.877.661	1.025.993.612.125
2. Tiền chi trả người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(737.678.897.170)	(938.818.934.074)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(79.597.119.894)	(113.233.514.686)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(44.815.328.170)	(58.638.680.584)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(3.495.577.668)	(11.951.348.285)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	42.529.119.244	43.958.411.124
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(15.432.260.662)	(22.607.750.611)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>100.760.813.341</b>	<b>(75.298.204.991)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(27.154.531.984)	(7.703.121.924)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	490.427.272	137.447.965.832
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(200.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	500.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(3.060.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	4.839.725.757	6.253.544.314
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	14.128.803.737	15.583.312.442
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(10.755.575.218)</b>	<b>151.881.700.664</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	25.085.700.000	23.601.350.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	452.015.595.725	558.919.075.724
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(364.812.198.025)	(571.310.452.853)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	-	(1.173.856.224)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(18.393.523.400)	(16.619.644.500)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(106.104.425.700)</b>	<b>(6.583.527.853)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(16.099.187.577)</b>	<b>69.999.967.820</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>181.921.684.449</b>	<b>111.920.556.662</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	1.126.454	1.159.967
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>165.823.623.326</b>	<b>181.921.684.449</b>

Tp Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2013

Người lập biểu



Mai Thị Hào

Kế toán trưởng



Đinh Văn Vân

Tổng Giám đốc



Hà Thế Quang



## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

**Năm 2012**

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP**

#### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4 - CTCP là Tổng Công ty cổ phần, được chuyển đổi cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước là Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4 theo Quyết định số 977/QĐ-BNN-DMDN ngày 06/4/2007 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Ngày 28/10/2008, Thủ tướng Chính Phủ ra Quyết định số 1546/QĐ-TTg về việc điều chỉnh phương án cổ phần hóa Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4 với vốn điều lệ là 86.007.000.000 đồng.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 3 là 160.083.380.000 đồng, tổng số cổ phiếu là 16.008.338 cổ phiếu với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phiếu.

Tổng Công ty có trụ sở chính tại: Số 205 Nguyễn Xí - Phường 26 - Quận Bình Thạnh - Thành phố Hồ Chí Minh.

#### **2. Ngành nghề kinh doanh**

Tổng Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300546537 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03/12/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 14/01/2013 với số đăng ký kinh doanh là 0300546537. Ngành nghề kinh doanh chủ yếu như sau:

- Xây dựng công trình thủy lợi, đê đập, hệ thống tưới tiêu, công trình thủy công, thủy điện, đường giao thông, bến cảng, công trình dân dụng, vỏ bao che công trình công nghiệp;
- Sản xuất, khai thác và mua bán vật liệu xây dựng (không hoạt động tại trụ sở);
- Kiểm tra chất lượng vật liệu xây dựng và chất lượng xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện, giao thông, công nghiệp, dân dụng và hạ tầng kỹ thuật ;
- Mua bán vật tư thiết bị phục vụ thủy lợi;
- Chế tạo, lắp đặt cơ khí công trình, kết cấu thép xây dựng, sửa chữa xe máy, máy thi công xây dựng (không hoạt động tại trụ sở);
- Dịch vụ tư vấn đầu tư xây dựng công trình, xây dựng (trừ thiết kế công trình, khảo sát xây dựng);
- Giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện, dân dụng và công nghiệp;
- Khoan phụt xử lý, gia cố nền móng và thân công trình xây dựng;
- Đưa người lao động và chuyên gia đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài;
- Đào tạo ngoại ngữ, giáo dục định hướng cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài;
- Đào tạo cao đẳng nghề, trung cấp nghề và sơ cấp nghề (không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh bất động sản;
- Đại lý bán vé máy bay;
- Dịch vụ du lịch lữ hành nội địa và quốc tế/.

## **II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (đồng)

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Tổng Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp.

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Tổng Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực đo Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

### **3. Hình thức kế toán áp dụng**

Tổng Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính với hình thức sổ kế toán là Chứng từ ghi sổ

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp**

Báo cáo tài chính tổng hợp được trình bày theo nguyên tắc giá gốc;

Các Đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Tổng Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các Đơn vị trực thuộc. Doanh thu, chi phí và số dư công nợ giữa các Đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp;

Công tác kế toán được tiến hành độc lập tại Văn phòng Tổng Công ty, Chi nhánh Miền Trung, Chi nhánh Miền Nam và Chi nhánh Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4 - CTCP - Công ty tư vấn Xây dựng, Chi nhánh Phía Bắc, Chi nhánh Tây Nguyên, Xi nghiệp đầu tư Xây dựng và Kho vận - Thủy lợi 4, 04 Công trường thi công hạch toán báo sổ và được ghi nhận trong Báo cáo tài chính của Văn phòng Tổng Công ty. Phòng kế toán của Văn phòng Tổng Công ty sẽ chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp cho toàn Tổng Công ty.

### **2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của các Ngân hàng thương mại mà Tổng Công ty có phát sinh giao dịch công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán;

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí hoạt động tài chính.



